

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Giao

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L** – Sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Xóm R, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức T** - Sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 3, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

(Chị L có mặt; Anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Bùi Thị L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Đức T** có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chơi, không có trách nhiệm với gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo và tạo cơ hội nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng năm 2013 đến nay. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh

T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Chí B, sinh ngày 03/11/2011. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con Nguyễn Chí B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình cung cấp chứng cứ, anh Nguyễn Đức T vắng mặt, không tham gia tố tụng, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập làm việc nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên những quan điểm đã nêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các **Điều 70, Điều 71** Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tổng đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con Nguyễn Chí B, sinh ngày 03/11/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Nguyễn Đức T có đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại phường D, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bị đơn - anh Nguyễn Đức T đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Đức T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên quá trình chung sống có mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc; Đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không

tồn tại. Nay chị L xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Xác định chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Chí B, sinh ngày 03/11/2011. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Chí B đang sống cùng chị L, được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con Nguyễn Chí B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chị L chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84** của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Chí B, sinh ngày 03/11/2011 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành. Anh Nguyễn Đức T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đức T có quyền thăm nom con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai số 0001448 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND phường, xã nơi thực hiện Đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

